

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2017/HSPT
Ngày: 29.9.2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ.

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

2. Ông Nguyễn Văn Trinh

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Uyên Vũ – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà:

Ông Bùi Trung Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29.9.2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 179/2017/HSPT ngày 09.9.2017 do có kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đối với bản án sơ thẩm số 38/2017/HSST ngày 27.7.2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Bị cáo liên quan đến kháng nghị:

1. TRẦN MINH C, sinh năm 1966.

Đăng ký thường trú: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố C.

Chỗ ở: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố C.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không.

Nghề nghiệp: mua bán; Học vấn 02/12

Con ông Trần Văn C và bà Võ Thị U

Vợ: Đỗ Thị G. Có 02 con lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1987.

Tiền án, tiền sự: không.

Tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

2. LƯU THỊ A, sinh năm 1974.

Đăng ký thường trú: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần T.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không.

Nghề nghiệp: nội trợ; Học vấn 4/12.

Con ông Lưu Văn T và bà Trần Thị C

Chồng: Nguyễn Chí T. Có 04 người con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2012).

Tiền án, tiền sự: không.

Tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

NHẬN THẤY

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 40 phút ngày 10.01.2017, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện T kiểm tra bắt quả tang Trần Minh C đang thực hiện hành vi ghi bán số đề tại nhà thuộc ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố C, tang vật thu giữ gồm 750.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 02 quyển tập có ghi các con số số đề, 14 tờ giấy tập có ghi các con số đề, 01 cây viết bic xanh.

Quá trình điều tra chứng minh được C ghi bán số đề từ ngày 15.9.2016 nhưng không liên tục cho đến ngày 10.01.2017 thì bị bắt quả tang. C tự ôm thầu chung chi với người mua. Hàng ngày, C ghi bán số đề đài miền Nam và đài miền Bắc, các con bạc đến trực tiếp hoặc điện thoại cho bị cáo theo số 01698069501 gắn trong điện thoại Samsung để mua số đề. Mỗi ngày C ghi bán từ 1.000.000 đồng đến 19.000.000 đồng, có ngày cao nhất đến 29.465.000 đồng với số đầu đuôi , bao lô 02 con số, tỷ lệ 1 ăn 80 đối với số đầu, đuôi và bao lô. Đối với bao lô đài miền Nam người mua 1.000 đồng phải trả cho C 15.000 đồng, bao lô đài miền Bắc nếu người mua 1.000 đồng phải trả cho C là 23.000 đồng. Vào ngày 10.01.2017 C ghi bán số đề đài Bạc Liêu cho 04 người mua là Lưu Thị A mua nhiều con số của đài Bạc Liêu với tổng số tiền là 18.490.000 đồng, Trần Kim N mua 215.000 đồng, Đặng Thị H gọi điện mua là 200.000 đồng và tên D với số tiền trong phôi là 19.470.000 đồng, khi bị bắt quả tang đã có kết quả xổ số Ánh trúng 44.000.000 đồng; tiền chơi trong đài miền Bắc là 4.740.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày này là 68.210.000 đồng . Anh thừa nhận chỉ mua 1.100.000 đồng và trúng được 16.000.000 đồng nhưng C. Trước đó có mua số của C và trúng được 480.000 đồng và đã mang nộp cho Cơ quan điều tra. Tên D đã mua số đề đài Bạc Liêu của C với số tiền 565.000 đồng và ghi số đài miền Bắc với số tiền là 4.740.000 đồng.

Kiểm tra 02 tập ghi bán số đề đã bán trước đó thu giữ của bị cáo, đối chiếu với kết quả xổ số thể hiện số tiền trong phôi và trúng thưởng từ ngày 10.10.2016 đến ngày 08.01.2017 là rất lớn và bán nhiều lần như án sơ thẩm đã nêu.

Trong thời gian ghi bán số đề C đã thu lợi bất chính 17.000.000 đồng.

Đối với Trần Kim N và Đặng Thị H đã bị xử lý hành chính do số tiền mua số đề chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Người tên D đã mua số của C không rõ họ tên địa chỉ nên chưa xử lý.

Tại bản án sơ thẩm số 38/2017/HSST ngày 27.7.2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 60, Điều 41 Bộ luật hình sự, tuyên phạt Trần Minh C 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố C giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm p khoản 1, 2 Điều

46; Điều 60, 41 Bộ luật hình sự, xử phạt Lưu Thị A 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố C giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo A 10.000.000 đồng.

Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25.8.2017 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C đã ra Quyết định số 09/QĐ-VKS-P7 kháng nghị yêu cầu chuyển tội danh đối với bị cáo Trần Minh C sang tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự; áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 và khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự để tăng hình phạt và phạt bổ sung đối với đối với bị cáo C, tăng hình phạt đối với bị cáo A và không cho các bị cáo hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo tại phiên tòa.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận án sơ thẩm đã xét xử đúng hành vi phạm tội, các bị cáo đã được thông báo về nội dung kháng nghị.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị số 09/QĐ-VKS-P7 ngày 25.8.2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C, đề nghị xử phạt bị cáo C từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; bị cáo A từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Hội đồng xét xử nhận định, căn cứ vào Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang ngày 10.01.2017, lời khai nhận của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, các tang vật thu giữ đã đủ cơ sở để kết luận trong ngày 10.01.2017 khi bắt quả tang qua tổng hợp phôi đề số tiền bị cáo Trần Minh C đã ghi bán cho người khác là 19.470.000 đồng, kết quả số tiền trúng thưởng trong ngày này là 44.000.000 đồng. Như vậy, số tiền C dùng vào việc đánh bạc là 68.210.000 đồng. Bị cáo thừa nhận có bán số qua điện thoại cho Đặng Thị H và giữ lại tự chung chi nên xét xử bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng theo hướng dẫn tại điểm b và c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2010/NQ – HĐTP ngày 22.10.2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Ngoài ra, kết quả kiểm tra tang vật là 02 quyển tập có ghi chép về việc mua bán số đề của bị cáo thể hiện trong thời gian từ ngày 10.10.2016 đến ngày 08.01.2017 bị cáo đã bán số đề ăn thua với người chơi rất nhiều lần với tổng số tiền phôi và tiền trúng thưởng là 463.370.000 đồng. Đây là hành vi phạm tội nhiều lần với quy mô lớn theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự nhưng án sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là có thiếu sót, lại áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo là không nghiêm. Bị cáo C thừa nhận đã thu lợi bất chính đến 17.000.000 đồng lẽ ra cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Lưu Thị A theo chứng cứ đã thu thập hợp pháp thể hiện bị cáo đã nhiều lần mua số của C, trong ngày 10.01.2017 đã mua nhiều con số, theo C khai là mua 18.490.000 đồng, trúng thưởng 44.000.000 đồng nhưng theo bị cáo thừa nhận là chỉ mua 1.100.000 đồng, trúng thưởng 16.000.000 đồng, án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự là đúng với hành vi phạm tội. Tuy nhiên, số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc là lớn nhưng hình phạt đã tuyên là không nghiêm. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, lôi kéo người khác sa vào tệ nạn xã hội, trông chờ vào sự may rủi mà không lo lao động sản xuất để tạo của cải vật chất cho xã hội nên cần có hình phạt tương xứng để cải tạo giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

Xét kháng nghị số 09/QĐ-VKS-P7 ngày 25.8.2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C và đề nghị của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử không chấp nhận chuyển tội danh đối với hành vi của bị cáo Trần Minh C như đã phân tích về cấu thành tội phạm ở phần trên. Các nội dung còn lại về việc áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần, áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo C; về tăng mức hình phạt và chuyển hình phạt tù cho hưởng án treo thành hình phạt tù có thời hạn đối với cả hai bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, khoản 3 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng nghị số 09/QĐ-VKS-P7 ngày 25.8.2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C, sửa án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 1 và 3 Điều 249, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Minh C; khoản 1 và 3 Điều 248, điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lưu Thị A.

Xử phạt: Trần Minh C 02 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Lưu Thị A 01 năm tù về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn phạt tù đối với các bị cáo tính từ ngày chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo C 20.000.000 đồng; bị cáo A 10.000.000 đồng.

Buộc bị cáo C nộp 17.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Không ai phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
 (Đã lý)

Nguyễn Thị Thụy Vũ

